

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày: 12/6/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Đặng Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến V và bà Phạm Thị H; Cùng địa chỉ: Tổ 5, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tiến V và bà Phạm Thị H: Bà Bùi Thị D; Địa chỉ: Tổ 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (văn bản ủy quyền ngày 27/10/2017) - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông;

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông;

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Bình N và bà Nguyễn Thị N; Cùng địa chỉ: Tổ 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Tiến V và bà Phạm Thị H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/9/2016, ông Nguyễn Tiến V và bà Phạm Thị H cho bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn S vay số tiền 210.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 05/4/2017, lãi suất 2%/tháng. Việc vay mượn có viết giấy vay, có chữ ký và chữ viết Trần Thị T và Nguyễn Văn S phía dưới mục Bên vay tiền tại giấy vay tiền ngày 29/09/2016. Đến nay khoản vay trên đã quá thời hạn nhưng bà T, ông S không trả nên ông V và bà H khởi kiện yêu cầu bà T và ông S phải trả số tiền gốc 210.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay.

Ông V có nhận 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc tổ dân phố 5, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông, 01 sổ hộ khẩu gia đình và chứng minh nhân dân do bà T, ông S dùng thế chấp để vay số tiền trên. Hiện tại sổ hộ khẩu gia đình và chứng minh nhân dân ông V đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an thị xã G, riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ông V đã trả lại cho bà T và ông S. Ông V không yêu cầu xử lý đối với các giấy tờ nêu trên.

Bị đơn bà Trần Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án thông báo về việc khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, giấy báo hợp lệ nhưng bà T, ông S vẫn không có mặt theo giấy triệu tập, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông V và H vắng mặt; người đại diện hợp pháp của ông V và bà H là bà Bùi Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt theo giấy triệu tập, không tham gia các phiên họp, phiên tòa theo quy định nên phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Tại phiên tòa tất cả các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351; Điều 466; Điều 468;

Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến V và bà Phạm Thị H đối với bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn S; buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn S phải trả cho ông Nguyễn Tiến V và bà Phạm Thị H số tiền gốc 210.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông S.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 29/9/2016 thể hiện bà T, ông S vay của ông V và bà H số tiền 210.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả tiền vào ngày 05/4/2017. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi suất.

[3] Về nội dung:

Ông V, bà H khởi kiện yêu cầu bà T, ông S trả số tiền vay 210.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 29/11/2017 người đại diện theo ủy quyền của ông V, bà H nộp cho Tòa án giấy vay tiền ghi ngày 29/9/2016, có chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị T và Nguyễn Văn S.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập các tài liệu có chữ ký, chữ viết của bà T, ông S do Công an thị xã Gia Nghĩa xuất trình, đồng thời yêu cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị T và Nguyễn Văn S dưới mục Bên vay tiền tại giấy vay tiền ghi ngày 29/09/2016 so với chữ ký, chữ viết trên tài liệu do Tòa án thu thập được có phải do cùng một người ký, viết ra hay không?

Tại Kết luận giám định số: 12-GĐTL/PC54 ngày 26/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên: Trần Thị T dưới mục: Bên vay tiền (vợ, chồng, con (người thừa kế)) trên Giấy vay tiền ghi ngày 29/09/2016 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết mang tên: Trần Thị T trên tài liệu (ký hiệu M1 đến M5) là do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên: Nguyễn Văn S dưới mục: Bên vay tiền (vợ, chồng, con (người thừa kế)) trên Giấy vay tiền ghi ngày 29/09/2016 (ký hiệu A) so với chữ

ký, chữ viết mang tên: Nguyễn Văn S trên tài liệu (ký hiệu M6) là do cùng một người ký, viết ra.

Ngoài ra, người làm chứng bà Nguyễn Thị N xác nhận ngày 29/9/2016 bà N dẫn ông S, bà T đến nhà ông V vay 210.000.000 đồng, ông V viết giấy vay tiền, loại giấy A4 có hai loại chữ (đánh máy và viết tay) rồi đưa cho ông S, bà ký, sau đó ông V đưa giấy này nhờ bà ký để làm chứng. Bà N thừa nhận chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị N trên giấy vay tiền ghi ngày 29/9/2016 do ông V giao nộp cho Tòa án là của bà.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T, ông S không có văn bản nêu ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông V, bà H, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định: Ngày 29/9/2016, bà T và ông S có vay của ông V và bà H số tiền 210.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả ngày 05/4/2017. Đây là trường hợp vay có lãi, đến hạn bà T, ông S không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V và bà H, buộc bà T và ông S phải trả số tiền gốc 210.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"1. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".

Lãi suất được xác định như sau:

Lãi trong hạn tính từ ngày vay 29/9/2016 đến ngày 05/4/2017 (06 tháng 06 ngày) là: $(210.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng}) + (210.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ ngày} \times 0,027\%/\text{ngày}) = 10.798.200 \text{ đồng}.$

Lãi quá hạn tính từ ngày 06/4/2017 đến ngày 12/6/2018 (01 năm 02 tháng 06 ngày) là: $(210.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm} \times 10\%/\text{năm} \times 150\%) + (210.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 150\%) + (210.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ ngày} \times 0,027\%/\text{ngày} \times 150\%) = 37.239.300 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là: 10.798.200 đồng + 37.239.300 đồng = 48.037.500 đồng.

Số tiền mà bà T và ông S có nghĩa vụ trả cho ông V và bà H tổng cộng là 258.037.500 đồng, trong đó tiền gốc 210.000.000 đồng và 48.037.500 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày ông V và bà H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà T và ông S còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

[4] Về chi phí giám định: Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông V và bà H là có căn cứ nên cần buộc bà T và ông S phải chịu chi phí giám định. Do ông V và bà H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 3.600.000 đồng, nên cần buộc bà T và ông S phải hoàn trả cho ông V và bà H số tiền 3.600.000 đồng chi phí giám định.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông V và bà H được chấp nhận nên bà T và ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; hoàn trả cho ông V và bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến V và bà Phạm Thị H đối với bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn S.

Buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn S phải trả cho ông Nguyễn Tiến V và bà Phạm Thị H tổng số tiền là 258.037.500đ (hai trăm năm mươi tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trong đó: 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng) tiền gốc và 48.037.500đ (bốn mươi tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày ông Nguyễn Tiến V và bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn S còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2. Về chi phí giám định: Căn cứ khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn S phải hoàn trả cho ông Nguyễn Tiến V và bà Phạm Thị H số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) chi phí giám định.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn S phải nộp 12.902.000đ (mười hai triệu chín trăm linh hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Tiến V và bà Phạm Thị H 6.018.000đ (sáu triệu không trăm mười tám nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001610 ngày 02/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thắm